

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1105/2008/QĐ-UBND

Cao Bằng, ngày 26 tháng 6 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định trình tự thủ tục
thực hiện đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Công văn số 599/CV-KH&ĐT ngày 20 tháng 6 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định trình tự thực hiện thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng về việc ban hành quy định trình tự thực hiện thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng và các văn bản trước đây trái với Quy định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng các sở, ban, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị, các tổ chức kinh tế, các doanh nghiệp chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Đã ký)**

Lô Ích Giang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Trình tự thực hiện thủ tục đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1105/2008/QĐ-UBND
ngày 26 tháng 6 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng)*

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định các thủ tục liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng cho các nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng
2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Chương II THỦ TỤC ĐĂNG KÝ THẨM TRA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 3. Đăng ký đầu tư, cấp chứng nhận đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước

1. Nhà đầu tư không phải làm thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Tuy nhiên đối với dự án này nhà đầu tư vẫn có thể lựa chọn việc đăng ký đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư khi có nhu cầu được xác nhận ưu đãi đầu tư. Thủ tục đăng ký đầu tư đối với những dự án này tương tự như thủ tục đăng ký đầu tư đối với các dự án thuộc diện phải đăng ký đầu tư .

2. Nhà đầu tư trong nước phải làm thủ tục đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư trong nước có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc các trường hợp sau:

- a) Dự án đầu tư không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 của Luật Đầu tư.
- b) Không thuộc dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

3. Nhà đầu tư nộp hồ sơ làm thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện dự án đầu tư. Hồ sơ đăng ký gồm có:

a) Bản đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư nội dung bản đăng ký theo mẫu quy định do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006.

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (trường hợp đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh)

c) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với nhà đầu tư là cá nhân) bản sao quyết định thành lập, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức đối với nhà đầu tư là tổ chức và văn bản Ủy quyền kèm bản sao hợp lệ giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện theo pháp luật (đối với nhà đầu tư là tổ chức).

Ngoài các hồ sơ tài liệu đăng ký phải nộp theo quy định trên, nếu trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế. Thì nhà đầu tư phải bổ xung thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật liên quan. Trong trường hợp này thì giấy chứng nhận đầu tư đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

4. Sau khi tiếp nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy biên nhận ngay sau khi nhận được hồ sơ đăng ký đầu tư và tiến hành xem xét hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư.

5. Thời hạn giải quyết đăng ký dự án đầu tư

a) Đối với dự án có vốn đầu tư trong nước đăng ký đầu tư nhưng không yêu cầu cấp giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư trao giấy biên nhận ngay sau khi nhận được bản đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư và giấy biên nhận này là cơ sở để xác nhận nhà đầu tư đã hoàn thành thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật.

b) Đối với dự án đầu tư trong nước mà nhà đầu tư có yêu cầu cấp giấy chứng nhận đầu tư hoặc xác nhận ưu đãi đầu tư thì Sở Kế hoạch và Đầu tư căn cứ nội dung bản đăng ký đầu tư đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký đầu tư hợp lệ.

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bản sao giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tài Nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan liên quan.

6. Đối với các dự án đầu tư xây dựng trong nước sử dụng vốn Nhà nước thực hiện theo Quyết định số 497/2007/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng, Quyết định đầu tư hoặc chấp thuận đầu tư của cấp có thẩm quyền đồng thời là giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 4. Đăng ký đầu tư đối với các dự án có vốn đầu tư nước ngoài

1. Dự án đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện thì nhà đầu tư làm thủ tục đăng ký đầu tư tại Sở Kế hoạch và Đầu tư để được cấp chứng nhận đầu tư.

2. Nhà đầu tư nộp hồ sơ làm thủ tục đăng ký đầu tư theo quy định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư trước khi thực hiện dự án, hồ sơ đăng ký đầu tư gồm có:

a) Bản đăng ký đề nghị cấp giấy chứng nhận đầu tư (nội dung) bản đăng ký thống nhất theo mẫu biểu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành theo Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006.

b) Hợp đồng hợp tác kinh doanh (trường hợp đầu tư theo hình thức hợp đồng hợp tác kinh doanh).

c) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

d) Bản sao hợp lệ giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với nhà đầu tư là cá nhân). Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc tài liệu tương đương khác của tổ chức (đối với nhà đầu tư là tổ chức); văn bản Ủy quyền kèm bản sao giấy chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện ngoài hồ sơ tài liệu phải nộp theo quy định trên.

Trường hợp dự án đầu tư gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế thì nhà đầu tư phải bổ sung thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

3. Thời hạn giải quyết đăng ký dự án đầu tư đối với dự án đầu tư nước ngoài

a) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ đăng ký kinh doanh hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư.

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày cấp chứng nhận đầu tư Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi bản sao giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ tài chính, Bộ công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan liên quan.

Điều 5. Thủ tục đăng ký cấp chứng nhận đầu tư đối với các dự án thuộc diện phải thẩm tra đầu tư để được cấp chứng nhận đầu tư

1. Các nhà đầu tư trong nước hay nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện việc đăng ký, thẩm tra đầu tư đối với các dự án đầu tư trong nước và dự án có vốn đầu tư nước ngoài thuộc diện phải thẩm tra đầu tư để được cấp chứng nhận đầu tư bao gồm các dự án sau:

a) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt nam thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện (theo quy định Điều 29 của Luật Đầu tư).

b) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên thuộc và không thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

c) Dự án đầu tư do Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Nhà đầu tư nộp hồ sơ thẩm tra theo quy định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư, 01 bộ hồ sơ gốc và 7 bộ sao gồm các tài liệu sau:

a) Bản đăng ký, đề nghị cấp chứng nhận đầu tư theo biểu mẫu do Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành theo Quyết định 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19 tháng 10 năm 2006.

b) Bản sao quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với các nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh thư nhân dân đối với các nhà đầu tư là cá nhân.

c) Văn bản ủy quyền kèm theo bản sao giấy chứng minh thư nhân dân/hộ chiếu/hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người đại diện.

d) Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm).

đ) Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu: mục tiêu, quy mô, địa điểm đầu tư, vốn đầu tư, tiến độ thực hiện dự án, nhu cầu sử dụng đất, tiến độ thực hiện dự án, giải pháp về công nghệ và giải pháp về môi trường.

e) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh.

Ngoài các tài liệu thẩm tra phải nộp theo quy định trên trong trường hợp gắn với thành lập tổ chức kinh tế nhà đầu tư phải bổ sung thêm hồ sơ đăng ký kinh doanh tương ứng với mỗi loại hình tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật liên quan, hợp đồng liên doanh đối với hình thức đầu tư thành lập tổ chức kinh tế liên doanh giữa nhà đầu tư trong nước và nhà đầu tư nước ngoài.

3. Đối với dự án đầu tư có quy mô vốn dưới 300 tỷ đồng và trên 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc danh mục lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

a) Nhà đầu tư nộp hồ sơ thẩm tra theo quy định tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh 8 bộ hồ sơ trong đó: có 01 bộ hồ sơ gốc, hồ sơ tài liệu nộp theo quy định tại khoản 2 Điều 5.

b) Ngoài tài liệu nộp theo quy định trên còn phải nộp thêm tài liệu giải trình khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng khi tham gia thị trường đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện tại Điều 29 của Luật Đầu tư và lĩnh vực đầu tư có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài

(tại phụ lục C Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư).

c) Hợp đồng hợp tác kinh doanh đối với hình thức đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (đối với trường hợp dự án đầu tư không gắn với việc thành lập tổ chức kinh tế).

4. Nội dung thẩm tra đối với dự án đầu tư có quy mô trên 300 tỷ đồng trở lên không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện gồm:

a) Sự phù hợp của dự án đối với quy hoạch (quy hoạch kết cấu hạ tầng kỹ thuật; quy hoạch sử dụng đất; quy hoạch xây dựng; quy hoạch điện; quy hoạch thăm dò; khai thác chế biến khoáng sản và các nguồn tài nguyên khác).

Đối với những dự án đầu tư thuộc lĩnh vực chưa có quy hoạch hoặc chưa có trong quy hoạch nêu trên thì Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm lấy ý kiến các Bộ, ngành liên quan có thẩm quyền về quy hoạch.

b) Nhu cầu sử dụng đất của dự án: diện tích đất, loại đất và tiến độ sử dụng đất.

c) Tiến độ thực hiện dự án gồm: tiến độ thực hiện vốn đầu tư tiến độ xây dựng, tiến độ thực hiện các mục tiêu của dự án.

d) Giải pháp về môi trường: đánh giá các yếu tố tác động đến môi trường và giải pháp xử lý phù hợp với quy định của pháp luật về môi trường.

đ) Hồ sơ dự án đánh giá tác động môi trường xin phê duyệt phải được cơ quan tư vấn có tư cách pháp nhân lập và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Đối với dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện. Ngoài các nội dung thẩm tra khoản 4 Điều 5 của Quy định này,

a) Phải thẩm tra thêm đánh giá khả năng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các điều kiện dự án đầu tư phải đáp ứng đối với dự án thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện hoặc lĩnh vực đầu tư có điều kiện áp dụng cho nhà đầu tư nước ngoài.

b) Trường hợp các điều kiện đầu tư đã được pháp luật hoặc điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên quy định thì sẽ được cấp giấy chứng nhận đầu tư mà không phải lấy ý kiến thẩm tra các bộ, ngành liên quan.

c) Đối với dự án đầu tư trong nước nếu dự án đã đáp ứng các điều kiện đầu tư theo quy định của pháp luật thì được cấp giấy chứng nhận đầu tư theo quy định về đăng ký đầu tư.

6. Thời hạn giải quyết thủ tục thẩm tra cấp giấy chứng nhận đầu tư

a) Trong thời hạn 3 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ và gửi hồ sơ lấy ý kiến thẩm tra của các sở, ngành liên quan, trường hợp cần thiết lấy ý kiến các bộ, ngành liên quan đối với dự án không thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ. Trong trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết để sửa đổi, bổ sung hồ sơ kịp thời.

b) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ dự án đầu tư hợp lệ, cơ quan được hỏi ý kiến thẩm tra phải có ý kiến bằng văn bản gửi tới Sở Kế hoạch và Đầu tư và chịu trách nhiệm về những vấn đề của dự án thuộc chức năng quản lý Nhà nước của mình.

c) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập báo cáo thẩm tra trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

d) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận báo cáo thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư.

đ) Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi thông báo bằng văn bản cho nhà đầu tư biết trong đó nêu rõ lý do.

e) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư, Sở Kế hoạch và Đầu tư sao gửi giấy chứng nhận đầu tư đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan liên quan.

Điều 6. Điều chỉnh dự án đầu tư

1. Dự án đầu tư khi có sự điều chỉnh đến mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn và thời hạn thực hiện dự án nhà đầu tư phải tiến hành các thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh tại cơ quan Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2. Quy định này không áp dụng đối với dự án đầu tư (trong nước hoặc nước ngoài) không có sự điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn hoặc sau khi điều chỉnh, dự án đầu tư trong nước thuộc diện không phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh. Có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực có điều kiện hoặc có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt nam và không thay đổi mục tiêu, địa điểm đầu tư.

3. Dự án đầu tư điều chỉnh thuộc diện đăng ký gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn thuộc trường hợp sau:

a) Dự án có vốn đầu tư nước ngoài có quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện;

b) Dự án đầu tư trong nước không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, trừ trường hợp thuộc diện không phải làm thủ tục đăng ký điều chỉnh hoặc thẩm tra điều chỉnh.

4. Hồ sơ đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư gồm các tài liệu sau:

a) Bản sao đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư;

b) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đầu tư;

c) Bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh, điều lệ doanh nghiệp (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài);

d) Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp chưa có giấy chứng nhận đầu tư) hoặc điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

5. Dự án đầu tư điều chỉnh thuộc diện thẩm tra gồm các dự án mà sau khi điều chỉnh về mục tiêu, quy mô, địa điểm, vốn, hình thức, thời hạn, thuộc các trường hợp sau:

- a) Dự án có vốn đầu tư nước ngoài;
- b) Dự án đầu tư trong nước thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện.

6. Hồ sơ thẩm tra điều chỉnh dự án đầu tư gồm các tài liệu sau:

- a) Bản đăng ký điều chỉnh dự án đầu tư;
- b) Bản giải trình lý do điều chỉnh những thay đổi so với nội dung thẩm tra khi cấp giấy chứng nhận đầu tư;
- c) Báo cáo tình hình thực hiện dự án đến thời điểm điều chỉnh dự án;
- d) Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đầu tư;
- e) Bản sửa đổi, bổ xung hợp đồng liên doanh, hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh hoặc điều lệ doanh nghiệp (đối với dự án có vốn đầu tư nước ngoài).

7. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức thẩm tra những nội dung điều chỉnh và trình Ủy ban nhân dân tỉnh cấp đổi giấy chứng nhận đầu tư hoặc cấp mới giấy chứng nhận đầu tư (đối với trường hợp chưa có giấy chứng nhận đầu tư)

8. Riêng trường hợp dự án đầu tư sau khi điều chỉnh trở thành dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của Thủ tướng Chính phủ đối với lĩnh vực đầu tư chưa có quy hoạch hoặc chưa có điều kiện đầu tư được pháp luật quy định thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định trước khi điều chỉnh bổ xung nội dung giấy chứng nhận đầu tư.

9. Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi giấy chứng nhận đầu tư cho Bộ Tài chính, Bộ Công thương, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ quản lý ngành và các cơ quan liên quan.

Điều 7. Một số quy định riêng đối với nhà đầu tư trong nước và nước ngoài

1. Đối với nhà đầu tư trong nước

Việc đăng ký để thành lập doanh nghiệp có thể được thực hiện độc lập, tách rời với việc đăng ký dự án đầu tư và sẽ được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi đầu tư vào dự án cụ thể, nhà đầu tư thực hiện thủ tục đăng ký đầu tư hoặc thẩm tra đầu tư để được cấp giấy chứng nhận đầu tư cho dự án đó.

2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài

Việc đăng ký để thành lập doanh nghiệp phải gắn liền với dự án đầu tư (phải có dự án đầu tư) đã được xác định, nhà đầu tư phải thực hiện theo thủ tục đăng ký đầu tư và được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Giấy chứng nhận đầu tư sẽ đồng thời được coi là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 8. Các thủ tục khác sau cấp chứng nhận đầu tư

1. Về khắc dấu, đăng ký con dấu

a) Các doanh nghiệp được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy đăng ký hoạt động chi nhánh hoặc văn phòng đại diện không phải làm thủ tục cấp giấy phép khắc dấu.

b) Sau khi nhận được giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp trực tiếp đến cơ sở làm nghề khắc dấu đã được Công an tỉnh Cao Bằng cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về an ninh trật tự để liên hệ khắc dấu cho doanh nghiệp.

c) Khi liên hệ khắc dấu doanh nghiệp người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải xuất trình chứng minh thư nhân dân hoặc hộ chiếu và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho cơ sở khắc dấu để chuyển cho Công an tỉnh Cao Bằng.

d) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận khắc dấu cho doanh nghiệp, cơ sở khắc dấu phải hoàn thành việc khắc dấu và gửi con dấu cho cơ quan Công an.

e) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được con dấu do cơ sở khắc dấu chuyển đến, cơ quan Công an có trách nhiệm kiểm tra đăng ký để trả con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu cho doanh nghiệp.

2. Đăng ký cấp chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký mã số thuế cho doanh nghiệp

a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ hợp lệ của doanh nghiệp, Sở Kế hoạch và Đầu tư gửi tới Cục Thuế tỉnh bản sao giấy đề nghị đăng ký kinh doanh hoặc thông báo thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện.

b) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận thông tin về doanh nghiệp, Cục Thuế tỉnh thông báo mã số doanh nghiệp cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để ghi vào giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp.

c) Trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp giấy đăng ký kinh doanh cho doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện.

3. Ký hợp đồng thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

a) Đối với khu đất đã giải phóng mặt bằng hoặc không phải giải phóng mặt bằng, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

b) Đối với các dự án có nhu cầu cần sử dụng đất lớn phải mất nhiều thời gian đo đạc và giải phóng mặt bằng thì thời gian hoàn chỉnh thủ tục giải quyết cho thuê đất, cấp chứng nhận quyền sử dụng đất không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Về thủ tục phê duyệt thiết kế cơ sở và cấp phép hoạt động khoáng sản

a) Đối với thủ tục phê duyệt thiết kế cơ sở trong thời gian không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, các sở chuyên ngành (Công thương, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng) phê duyệt thẩm định xong thiết kế cơ sở để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (riêng việc thẩm định thiết kế cơ sở trong khai thác khoáng sản vẫn được thực hiện sau khi được cấp giấy phép khai thác).

b) Đối với thủ tục cấp phép hoạt động khoáng sản trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền cấp phép hoạt động khoáng sản.

5. Về cấp phép xây dựng

Căn cứ vào quy hoạch và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Xây dựng hoàn thành xong việc cấp phép xây dựng phê duyệt cấp địa điểm cho dự án đầu tư.

Chương III

CHUYỂN NHƯỢNG DỰ ÁN, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ, THANH LÝ DỰ ÁN

Điều 9. Chuyển nhượng dự án

1. Dự án đầu tư có thể được chuyển nhượng cho một hoặc nhiều nhà đầu tư khác. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư khác với việc chuyển nhượng phần vốn góp, cổ phần trong doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng dự án đầu tư làm thay đổi chủ đầu tư hay người thực hiện dự án, giống như việc chuyển nhượng tài sản giữa các doanh nghiệp.

2. Điều kiện chuyển nhượng

a) Đảm bảo tuân thủ về trình tự và thủ tục quy định tại Luật Đầu tư và các quy định hướng dẫn hiện hành khác.

b) Đảm bảo các điều kiện về hạn chế gia nhập thị trường theo các cam kết quốc tế của Chính phủ Việt nam và quy định tại các luật chuyên ngành, kể cả Luật Đầu tư.

c) Thực hiện các trình tự, thủ tục khác có liên quan sau khi chuyển nhượng dự án có gắn với chuyển quyền sử dụng đất và chuyển quyền sở hữu với tài sản có đăng ký quyền sở hữu.

3. Hồ sơ, thủ tục chuyển nhượng chuyển đổi chủ đầu tư

Theo quy định tại khoản 4 Điều 66 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

- a) Bản đăng ký chuyển nhượng dự án;
- b) Hợp đồng chuyển nhượng dự án;
- c) Văn bản về tư cách pháp lý của nhà đầu tư nhận chuyển nhượng;
- d) Báo cáo tình hình hoạt động của dự án.

4. Thời hạn giải quyết

Trong thời hạn 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư xem xét điều chỉnh trình Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 10. Chấm dứt hoạt động dự án đầu tư và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư, thanh lý dự án

Theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP giấy chứng nhận đầu tư của nhà đầu tư sẽ bị thu hồi trong trường hợp chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư. Việc chấm dứt dự án đầu tư có thể do nhà đầu tư quyết định hoặc theo quyết định cưỡng chế của cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư trong các trường hợp sau đây:

1. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, nhà đầu tư quyết định do:

a) Hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư ghi trong giấy chứng nhận đầu tư.

b) Theo các điều kiện chấm dứt hoạt động được quy định trong hợp đồng, điều lệ doanh nghiệp hoặc thoả thuận, cam kết của các nhà đầu tư về tiến độ thực hiện dự án.

c) Trong trường hợp chấm dứt hoạt động trên, nhà đầu tư phải thông báo cho cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư để thu hồi giấy chứng nhận đầu tư.

2. Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư theo quyết định của cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư. Cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư có quyền quyết định chấm dứt hoạt động của dự án trong trường hợp:

a) Dự án đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư sau 12 tháng mà nhà đầu tư không triển khai thực hiện, thực hiện không đúng cam kết hoặc không có khả năng thực hiện theo tiến độ, quy mô theo giấy chứng nhận đầu tư hoặc thực hiện không đáng kể mà không có lý do chính đáng, trừ trường hợp được gia hạn hoặc cho tạm ngừng hoặc giãn tiến độ thực hiện dự án.

b) Có sự vi phạm nghiêm trọng các quy định của pháp luật mà theo đó pháp luật quy định dự án phải chấm dứt hoạt động

c) Có bản án, quyết định của toà án về việc chấm dứt hoạt động của dự án do bị vi phạm nghiêm trọng pháp luật.

d) Các nhà đầu tư đăng ký đầu tư nhằm giữ dự án để tìm đối tác hoặc giữ đất.

3. Thanh lý dự án đầu tư

Thanh lý dự án đầu tư là kết quả của việc chấm dứt hoạt động của dự án và thu hồi giấy chứng nhận đầu tư nhà đầu tư sau khi chấm dứt hoạt động của dự án sẽ làm thủ tục thanh lý dự án đầu tư như sau:

a) Trường hợp thanh lý dự án đầu tư mà không gắn với việc giải thể tổ chức kinh tế thì việc thanh lý thực hiện theo quy định pháp luật về thanh lý tài sản, thanh lý hợp đồng.

b) Việc thanh lý tài sản hợp đồng hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của doanh nghiệp có tài sản, các bên có hợp đồng phải thanh lý và thoả thuận trong hợp đồng (nếu có) đối với việc thanh lý hợp đồng.

c) Trường hợp thanh lý dự án gắn với việc giải thể tổ chức kinh tế thì nhà đầu tư thực hiện thủ tục giải thể tổ chức kinh tế theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan và tiến hành thủ tục thanh lý dự án đầu tư. Thời hạn thanh lý dự án đầu tư không quá 6 tháng kể từ ngày quyết định chấm dứt hoạt động dự án đầu tư. Trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thì thời hạn thanh lý dự án đầu tư được kéo dài nhưng tối đa không quá 12 tháng.

d) Trường hợp tổ chức kinh tế không thành lập được ban thanh lý hoặc không thực hiện thanh lý theo thời hạn quy định thì việc thanh lý tranh chấp được đưa ra giải quyết tại toà án theo quy định của pháp luật sau khi thực hiện việc thanh lý nhà đầu tư phải thông báo cho cơ quan cấp giấy chứng nhận đầu tư và nộp lại giấy chứng nhận đầu tư đã cấp.

e) Trong quá trình thanh lý dự án đầu tư gắn với việc giải thể tổ chức kinh tế nói trên, nếu tổ chức kinh tế không có khả năng thanh toán các khoản nợ thì việc thanh lý sẽ chấm dứt và được đưa ra giải quyết theo thủ tục của pháp luật về phá sản.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn giải quyết các thủ tục đầu tư cho các nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh.

Điều 12. Các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan có trách nhiệm giải quyết công việc trong phạm vi quyền hạn, trách nhiệm của đơn vị mình cho các nhà đầu tư.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các ngành liên quan, các nhà đầu tư phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Lô Ích Giang